

Số: 29/2025/NQ-HĐND

Đồng Tháp, ngày 23 tháng 12 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách cấp tỉnh, ngân sách cấp xã giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15
được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số
điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy
phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Xét Tờ trình số 590/TTr-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban
nhân dân tỉnh về việc đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy
định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các
khoản thu giữa ngân sách cấp tỉnh, ngân sách cấp xã giai đoạn 2026 - 2030 trên
địa bàn tỉnh Đồng Tháp; Báo cáo thẩm tra số 585/BC-HĐND ngày 18 tháng 12
năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận
của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định phân cấp nguồn thu,
nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách cấp
tỉnh, ngân sách cấp xã giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần
trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách cấp tỉnh, ngân sách cấp xã giai
đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm d, đ khoản 9
Điều 31 Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 đối với các khoản thu ngân
sách địa phương được hưởng 100% và phần ngân sách địa phương được hưởng đối
với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương
theo quy định.

2. Đối tượng áp dụng

- a) Các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tại địa phương.
- b) Các đơn vị sự nghiệp công lập.
- c) Các tổ chức và cá nhân khác có liên quan đến ngân sách nhà nước.

Điều 2. Áp dụng Nghị quyết

1. Về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách cấp tỉnh, ngân sách cấp xã giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp đối với các khoản thu ngân sách địa phương được hưởng theo quy định của Trung ương.

2. Trường hợp các điều trong Nghị quyết có quy định khác với quy định của Luật và các văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan cấp trên thì áp dụng quy định của các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành được cơ quan cấp trên ban hành.

Chương II

PHÂN CẤP NGUỒN THU VÀ TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU GIỮA NGÂN SÁCH CẤP TỈNH, NGÂN SÁCH CẤP XÃ

Điều 3. Nguồn thu của ngân sách cấp tỉnh hưởng 100%

1. Thuế giá trị gia tăng (không bao gồm số thuế giá trị gia tăng được hoàn theo quy định của Luật Thuế giá trị gia tăng) do cấp tỉnh quản lý.
2. Thuế thu nhập doanh nghiệp do cấp tỉnh quản lý.
3. Thuế tiêu thụ đặc biệt, trừ khoản hoàn thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), do cấp tỉnh quản lý.
4. Thuế bảo vệ môi trường do cấp tỉnh quản lý.
5. Tiền sử dụng đất do cấp tỉnh quản lý.
6. Tiền thuê đất do cấp tỉnh quản lý.
7. Thuế thu nhập cá nhân do cấp tỉnh quản lý.
8. Thuế tài nguyên do cấp tỉnh quản lý.
9. Thu cấp quyền khai thác khoáng sản, cấp quyền khai thác tài nguyên nước do cơ quan có thẩm quyền cấp tỉnh cấp phép.
10. Tiền cho thuê mặt nước, tiền sử dụng khu vực biển do cấp tỉnh quản lý.
11. Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước do cấp tỉnh quản lý.
12. Thu từ hoạt động xổ số.
13. Các khoản thu hồi vốn của ngân sách địa phương đầu tư tại các tổ chức

kinh tế; cô tức được chia bằng tiền, lợi nhuận được chia tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có vốn góp của Nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh là cơ quan đại diện chủ sở hữu; thu phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do Ủy ban nhân dân tỉnh là cơ quan đại diện chủ sở hữu.

14. Thu từ quỹ dự trữ tài chính của cấp tỉnh.

15. Thu nộp ngân sách nhà nước từ khai thác, xử lý tài sản công do cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp tỉnh quản lý, xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

16. Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho cấp tỉnh.

17. Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do các cơ quan nhà nước cấp tỉnh thực hiện. Các khoản phí thu từ các hoạt động dịch vụ công do đơn vị sự nghiệp công lập và tổ chức được cơ quan có thẩm quyền giao cung cấp dịch vụ công nộp ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật do cấp tỉnh quản lý.

18. Lệ phí do các cơ quan nhà nước cấp tỉnh thực hiện thu.

19. Lệ phí trước bạ do cấp tỉnh quản lý.

20. Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt khác theo quy định của pháp luật do các cơ quan nhà nước cấp tỉnh quyết định thực hiện xử phạt.

21. Thu tiền chậm nộp tiền, thu tiền phạt phát sinh từ các khoản thu phân cấp cho ngân sách tỉnh hưởng.

22. Huy động đóng góp tự nguyện từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân cho ngân sách cấp tỉnh theo quy định của pháp luật.

23. Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác do cấp tỉnh quản lý.

24. Các khoản thu khác nộp vào ngân sách cấp tỉnh theo quy định của pháp luật.

25. Thu bổ sung cân đối ngân sách, thu bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương.

26. Thu kết dư ngân sách cấp tỉnh.

27. Thu chuyển nguồn ngân sách cấp tỉnh từ năm trước chuyển sang.

28. Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên.

29. Thu từ hỗ trợ của tỉnh, thành phố khác cho công tác phòng chống thiên tai, dịch bệnh và hỗ trợ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Nguồn thu của ngân sách cấp xã hưởng 100%

1. Thuế thu nhập doanh nghiệp do cấp xã quản lý.

2. Thuế thu nhập cá nhân do cấp xã quản lý.

3. Thuế tiêu thụ đặc biệt, trừ khoản hoàn thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có) do cấp xã quản lý.
4. Thuế bảo vệ môi trường do cấp xã quản lý.
5. Thuế giá trị gia tăng (không bao gồm số thuế giá trị gia tăng được hoàn theo quy định của Luật Thuế giá trị gia tăng) do cấp xã quản lý.
6. Lệ phí do các cơ quan nhà nước cấp xã thực hiện thu.
7. Lệ phí trước bạ do cấp xã quản lý.
8. Thuế sử dụng đất nông nghiệp do cấp xã quản lý.
9. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp do cấp xã quản lý.
10. Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước do cấp xã quản lý.
11. Thu nộp ngân sách nhà nước từ khai thác, xử lý tài sản công do cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp xã quản lý, xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.
12. Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do các cơ quan nhà nước cấp xã thực hiện. Các khoản phí thu từ các hoạt động dịch vụ công do đơn vị sự nghiệp công lập và tổ chức được cơ quan có thẩm quyền giao cung cấp dịch vụ công nộp ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật do cấp xã quản lý.
13. Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác do cấp xã quản lý.
14. Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt khác theo quy định của pháp luật do các cơ quan nhà nước cấp xã quyết định thực hiện xử phạt.
15. Thuế tài nguyên do cấp xã quản lý.
16. Thu cấp quyền khai thác khoáng sản, cấp quyền khai thác tài nguyên nước do cơ quan có thẩm quyền của cấp xã cấp phép.
17. Tiền cho thuê mặt nước, tiền sử dụng khu vực biển do cấp xã quản lý.
18. Huy động đóng góp tự nguyện từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân cho ngân sách cấp xã theo quy định của pháp luật.
19. Các khoản thu khác nộp vào ngân sách cấp xã theo quy định của pháp luật.
20. Thu chuyển nguồn ngân sách cấp xã từ năm trước chuyển sang.
21. Thu bổ sung cân đối ngân sách, thu bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp tỉnh.
22. Thu tiền chậm nộp tiền, thu tiền phạt phát sinh từ các khoản thu phân cấp cho ngân sách xã hưởng.
23. Thu kết dư ngân sách cấp xã.
24. Thu từ hỗ trợ của xã, phường khác cho công tác phòng chống thiên tai, dịch bệnh và hỗ trợ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Các khoản thu ngân sách cấp tỉnh, ngân sách cấp xã hưởng theo phân chia và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia

1. Tiền sử dụng đất, tiền thuê đất do Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất trên địa bàn các xã, phường do nhà đầu tư tự nguyện ứng trước tiền bồi thường giải phóng mặt bằng thực hiện dự án đầu tư (không kể tiền sử dụng đất, tiền thuê đất do cấp tỉnh quản lý) thực hiện phân chia: ngân sách cấp tỉnh hưởng 70%, ngân sách cấp xã hưởng 15%. Ngân sách trung ương hưởng 15% theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 36 Luật số 89/2025/QH15.

2. Tiền sử dụng đất từ công nhận quyền sử dụng đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất (trừ tiền sử dụng đất do Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất) thực hiện phân chia: ngân sách cấp tỉnh hưởng 35%, ngân sách cấp xã hưởng 50%. Ngân sách trung ương hưởng 15% theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 36 Luật số 89/2025/QH15.

Chương III

PHÂN CẤP NHIỆM VỤ CHI GIỮA NGÂN SÁCH CẤP TỈNH VÀ NGÂN SÁCH CẤP XÃ

Điều 6. Nhiệm vụ chi ngân sách cấp tỉnh

1. Chi đầu tư phát triển

a) Chi đầu tư cho các chương trình, dự án, nhiệm vụ và đối tượng đầu tư công khác do cấp tỉnh quản lý theo quy định của Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15 và thực hiện nhiệm vụ chi quy định tại điểm d khoản 5 Điều 9 của Luật số 89/2025/QH15;

b) Chi đầu tư và hỗ trợ vốn các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thiết yếu cho xã hội do Nhà nước đặt hàng; các tổ chức kinh tế; các tổ chức tài chính của cấp tỉnh theo quy định của pháp luật; đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp do cấp tỉnh quản lý theo quy định của pháp luật;

c) Cấp bù chênh lệch lãi suất, phí quản lý và ủy thác cho vay qua ngân hàng chính sách để thực hiện các chính sách phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương do cấp tỉnh quản lý;

d) Các khoản chi đầu tư khác do cấp tỉnh quản lý theo quy định của pháp luật.

2. Chi thường xuyên của các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh được phân cấp trong các lĩnh vực

a) Chi quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội do cơ quan, đơn vị thuộc cấp tỉnh quản lý bảo đảm theo quy định của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn thực hiện;

b) Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề do cơ quan, đơn vị thuộc cấp tỉnh quản lý;

c) Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; nghiên cứu khoa học, ứng dụng khoa học và công nghệ, các hoạt động sự nghiệp khoa học, công nghệ khác do cơ quan, đơn vị cấp tỉnh thực hiện;

d) Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình cấp tỉnh quản lý, bao gồm bảo hiểm y tế cho các đối tượng được ngân sách nhà nước hỗ trợ và các hoạt động y tế khác;

đ) Chi sự nghiệp văn hóa - thông tin do cơ quan, đơn vị thuộc cấp tỉnh quản lý;

e) Chi sự nghiệp phát thanh - truyền hình và các hoạt động thông tin khác do cơ quan, đơn vị thuộc cấp tỉnh quản lý;

g) Chi sự nghiệp thể dục - thể thao do cơ quan, đơn vị thuộc cấp tỉnh quản lý;

h) Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường do cơ quan, đơn vị thuộc cấp tỉnh quản lý;

i) Chi sự nghiệp kinh tế

- Sự nghiệp giao thông: duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa cầu đường và các công trình giao thông khác, lập biển báo và các biện pháp an toàn giao thông trên các tuyến đường do cấp tỉnh quản lý;

- Sự nghiệp nông nghiệp, thủy lợi, ngư nghiệp và lâm nghiệp: duy tu, bảo dưỡng các tuyến đê, các công trình thủy lợi, trạm kỹ thuật nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp; công tác khuyến lâm, khuyến ngư, khuyến nông; chi khoanh nuôi, bảo vệ, phòng chống cháy rừng, bảo vệ nguồn lợi thủy sản do cấp tỉnh quản lý;

- Sự nghiệp tài nguyên: điều tra cơ bản, đo đạc địa giới hành chính; đo vẽ bản đồ; đo đạc, lập bản đồ và lưu trữ hồ sơ địa chính, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai và các hoạt động sự nghiệp địa chính khác do cấp tỉnh quản lý;

- Chi cho công tác các loại quy hoạch do các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh làm chủ đề án; thương mại, du lịch do cấp tỉnh quản lý;

- Chi sự nghiệp kinh tế khác do cấp tỉnh thực hiện theo quy định của pháp luật.

k) Chi đảm bảo xã hội do cơ quan, đơn vị thuộc do cấp tỉnh quản lý;

l) Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức chính trị, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội trực thuộc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh;

m) Chi hỗ trợ các tổ chức xã hội cấp tỉnh theo quy định của pháp luật;

n) Các khoản chi khác do cấp tỉnh quản lý theo quy định của pháp luật.

3. Chi trả lãi vay, phí và chi phí phát sinh khác từ các khoản tiền do ngân sách cấp tỉnh vay.

4. Chi bổ sung Quỹ dự trữ tài chính cấp tỉnh.

5. Chi chuyển nguồn sang năm sau của ngân sách cấp tỉnh.

6. Chi bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp xã.
7. Chi nộp trả ngân sách cấp trên.
8. Chi hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ quy định tại các điểm a, b và c theo khoản 5 Điều 9 của Luật số 89/2025/QH15.
9. Chi viện trợ theo quy định của Chính phủ.
10. Chi cho vay theo quy định của Chính phủ.

Điều 7. Nhiệm vụ chi ngân sách cấp xã

1. Chi đầu tư phát triển

a) Chi đầu tư cho các chương trình, dự án, nhiệm vụ và đối tượng đầu tư công khác do cấp xã quản lý thực hiện theo quy định của Luật số 58/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15 và thực hiện nhiệm vụ chi quy định tại điểm d khoản 5 Điều 9 của Luật số 89/2025/QH15;

b) Chi đầu tư và hỗ trợ vốn các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thiết yếu cho xã hội do Nhà nước đặt hàng; các tổ chức kinh tế; các tổ chức tài chính của cấp xã theo quy định của pháp luật; đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp do cấp xã quản lý thực hiện theo quy định của pháp luật;

c) Ủy thác cho vay qua ngân hàng chính sách để thực hiện các chính sách phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương do cấp xã quản lý;

d) Các khoản chi đầu tư khác do cấp xã quản lý theo quy định của pháp luật.

2. Chi thường xuyên của các cơ quan, đơn vị ở xã, phường được phân cấp trong các lĩnh vực

a) Sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề do cấp xã quản lý;

b) Sự nghiệp quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội do cấp xã quản lý bảo đảm theo quy định và các văn bản hướng dẫn thực hiện;

c) Sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số do cấp xã quản lý;

d) Sự nghiệp đảm bảo xã hội do cấp xã quản lý;

đ) Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình do cấp xã quản lý;

e) Sự nghiệp văn hóa - thông tin do cấp xã quản lý;

g) Sự nghiệp thể dục - thể thao do cấp xã quản lý;

h) Sự nghiệp kinh tế do cấp xã quản lý;

i) Sự nghiệp bảo vệ môi trường do cấp xã quản lý;

k) Sự nghiệp phát thanh - truyền hình do cấp xã quản lý;

l) Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức chính trị, Ủy

ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã, các tổ chức chính trị - xã hội trực thuộc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã;

m) Chi hỗ trợ các tổ chức xã hội cấp xã theo quy định của pháp luật;

n) Các khoản chi khác do cấp xã quản lý theo quy định của pháp luật.

3. Chi chuyển nguồn năm sau của ngân sách cấp xã.

4. Chi nộp ngân sách cấp trên.


5. Chi hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ quy định tại các điểm a, b và c theo khoản 5 Điều 9 của Luật số 89/2025/QH15.

Điều 8. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐND ngày 29 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách cấp tỉnh, ngân sách cấp xã năm 2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

3. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp khóa X, Kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 23 tháng 12 năm 2025 và có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày thông qua. / 

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VB&QLXLVPHC (Bộ Tư pháp);
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh, UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Văn phòng: Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- TT.HĐND, UBND, UBMTTQVN các xã, phường;
- Trung tâm Tin học - Công báo tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Châu Thị Mỹ Phương